

Biểu 11-TT36/2017/TT-BGDĐT

THÔNG BÁO

Số, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông, năm học 2018 -2019

Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề			Chuẩn nghề nghiệp				
S	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung	Kém
0	3	43	0	3	3	42	0	0	11	41	0	0
0	3	36	0	0	0	39	0	0	8	31	0	0
	2	5				7			1	6		
	1	2				3				3		
		3				3				3		
		2				2			1	1		
		6				6			3	3		
		2				2				3		
		3				3				2		
		1				1				1		
	0	4				4			1	3		
		4				4				4		
		4				4			2	2		
0	0	4	0	0	0	3		0	3	1	0	0
		1				1			1			
		3				2			2	1		
0	0	3	0	3	3	0	0	0	0	9	0	0
		1								1		
		1								1		
		0										
				1	1							

SỞ GDĐT TỈNH QUẢNG NAM

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông

STT	Nội dung
I	Số phòng học
II	Loại phòng học
1	Phòng học kiên cố
2	Phòng học bán kiên cố
3	Số phòng học bộ môn
4	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)
5	Bình quân lớp/phòng học
6	Bình quân học sinh/lớp
III	Số điểm trường
IV	Tổng số diện tích đất (m²)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)
VI	Tổng diện tích các phòng
1	Diện tích phòng học (m ²)
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)
3	Diện tích thư viện (m ²)
4	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định
1.1	Khối lớp 10
1.2	Khối lớp 11
1.3	Khối lớp 12
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định
2.1,2,3	Khối lớp 10/ Khối lớp 11/ Khối lớp 12: 1/1/1 (tổng cộng là 03 bộ)
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác
1	Ti vi
2	Cát xét
3	Đầu Video/đầu đĩa
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể
5	Thiết bị khác...
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng
1	Ti vi
2	Cát xét
3	Đầu Video/đầu đĩa
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể
5	Thiết bị khác...
	Nội dung
	Số lượng (m²)
V	Nhà bán
	12

SỞ GDĐT TỈNH QUẢNG NAM

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Lớp
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	0	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	0	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	0	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0	
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	
6	Bỏ học trong hè và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	
1	Cấp huyện	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	

SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông,

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 10	Lớp 11
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THCS trên địa bàn tuyển sinh, đúng độ tuổi được quy định trong Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học	(Không tuyển sinh)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành; Kế hoạch dạy học được Hiệu trưởng phê duyệt hằng năm.	Thực hiện chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành; Kế hoạch dạy học được Hiệu trưởng phê duyệt hằng năm.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Cùng thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục. Huy động mọi nguồn lực góp phần xây dựng CSVC, thiết bị của nhà trường; tạo điều kiện để học sinh vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh.	Cùng thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục. Huy động mọi nguồn lực góp phần xây dựng CSVC, thiết bị của nhà trường; tạo điều kiện để học sinh vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Học sinh được tham gia các hoạt động NGLL, TDTT, giao lưu học hỏi nhân các ngày lễ lớn, tham gia các cuộc thi, kỳ thi các cấp, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, tạo cảnh quan môi trường sư phạm: xanh, sạch, đẹp.	Học sinh được tham gia các hoạt động NGLL, TDTT, giao lưu học hỏi nhân các ngày lễ lớn, tham gia các cuộc thi, kỳ thi các cấp, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, tạo cảnh quan môi trường sư phạm: xanh, sạch, đẹp.
	Kết quả năng lực, phẩm chất	Phần đầu trên 98% học sinh lên lớp, trên 98% học sinh có	Phần đầu trên 98% học sinh lên lớp, trên 98% học sinh có

